

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HC-ST
Ngày: 01-3-2024
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga.
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi; Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 51/2023/TLST-HC ngày 04 tháng 8 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HC ngày 31/01/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị C, sinh năm: 1941. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 26/02/2024. Có mặt.

Địa chỉ: Số E đường V, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người bị kiện:

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Duy H – Phó Giám đốc Văn

phòng đăng ký đất đai tỉnh Q. Theo Quyết định ủy quyền số 255/QĐ-VPĐKĐ ngày 28/02/2024. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số E P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã B. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện B. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của bà Trần Thị C, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Về nguồn gốc đất: Vào năm 1986, bà Trần Thị C có tạo lập một mảnh đất với diện tích 300m² (chiều ngang 15m x chiều dài 20m) để trồng cây ăn quả, nay thuộc một phần của thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Trần Thị C đã nộp hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q 3 lần vào các năm 2019, 2022, 2023 để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu nhưng không được giải quyết theo quy định.

Hiện nay thửa đất này bà Trần Thị C đang trồng cây ăn quả, quản lý sử dụng ổn định liên tục không lấn chiếm, không tranh chấp và không vi phạm pháp luật đất đai. Bà Trần Thị C và những người cao tuổi đang sinh sống ở địa phương đã xác nhận và làm chứng cho việc tạo lập và sử dụng đất của bà tại thời điểm năm 1986 là đúng.

Nội dung nêu trong Công Văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 của UBND xã B cho rằng thửa đất bà đang sử dụng là đất Nghĩa địa (N) là không đúng với hiện trạng, vì phần diện tích đất bà C đang canh tác không có mồ mả.

Ngày 20/04/2023, Công ty Đ có xây dựng công trình lưới điện tại thửa đất này cũng đã xác nhận bà C là người quản lý, sử dụng và đang canh tác, đã hỗ trợ tiền chi phí đền bù hoa màu, cây cối cho bà C.

Căn cứ Điều 162 Luật đất đai năm 2013 quy định đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, hiện nay người chết ở thôn T phải được chôn cất tại nghĩa địa Nông C. Mặt khác, theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Q thì vị trí thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², loại đất BHK

thuộc quy hoạch một phần đất ở tại nông thôn và một phần đất giao thông (nghĩa là đất sạch, không có mồ mã như UBND xã B xác nhận).

Như vậy, theo quy định của pháp luật đối với phần đất nghĩa trang, nghĩa địa tự phát của người dân mà không nằm trong quy hoạch; kế hoạch sử dụng đất của nhà nước làm đất nghĩa nghĩa trang; nghĩa địa và người sử dụng đất ở khu vực đó đáp ứng được các yêu cầu về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vẫn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối chiếu với quy định tại Điều 3 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Điều 21, Điều 50, Điều 100 Luật Đất đai 2013 thì việc sử dụng đất của bà Trần Thị C là hợp pháp, phải được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, bà Trần Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công Văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 của UBND xã B về việc phúc đáp thực hiện niêm yết theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết đối với bà Trần Thị C tại Thông báo số 887/TB-CNBS ngày 20/02/2023 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận và thực hiện các thủ tục để giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Trần Thị C tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, xã B theo quy định của pháp luật.

**** Tại Văn bản số 2036/VPĐKD-ĐKCGCN ngày 29/8/2023, người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q trình bày:***

Về quá trình tiếp nhận và trả kết quả đối với hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, xã B:

Ngày 03/01/2023, bà Trần Thị C nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², loại đất trồng cây hàng năm khác tại xã B.

Tại Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 04a/ĐK), bà Trần Thị C kê khai về nguồn gốc sử dụng đất: *“Thửa đất do tôi tạo lập từ năm 1986 để trồng cây, quản lý sử dụng ổn định liên tục từ đó cho đến nay không ai tranh chấp”*.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của bà Trần Thị C; ngày 06/01/2023, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh huyện B (sau đây gọi tắt là Chi nhánh huyện B) chuyển hồ sơ đến UBND xã B để kiểm tra hồ sơ và thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Đến ngày 13/02/2023, Chi nhánh huyện B nhận Công văn số 37/UBND của UBND xã B về việc phúc đáp thực hiện niêm yết theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C ở thôn T, xã B. Theo đó, UBND xã B không thực hiện xác nhận hồ sơ, niêm yết công khai vì lý do: *“Qua kiểm tra đối*

chiếu với hồ sơ địa chính đang lưu trữ tại xã B thì nguồn gốc thửa đất do bà Trần Thị C kê khai có sự mâu thuẫn và không trùng khớp với thông tin hồ sơ địa chính qua các thời kỳ lưu trữ tại UBND xã B... Từ những nội dung nêu trên, UBND xã B chưa đủ cơ sở để thông báo niêm yết về trường hợp đủ điều kiện cấp GCN QSDĐ tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², loại đất BHK cho bà Trần Thị C theo Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nay UBND xã B trả lại toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Văn phòng ĐKĐĐ Chi nhánh huyện B để xem xét trả lại hồ sơ cho công dân theo quy định”.

Như vậy, Chi nhánh huyện B không có cơ sở xử lý các bước tiếp theo đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, tại xã B cho bà Trần Thị C. Do đó ngày 20/02/2023, Chi nhánh huyện B có Thông báo số 887/TB-CNHBS về việc trả hồ sơ không giải quyết là đảm bảo quy định pháp luật.

*** Tại Văn bản số 352/UBND ngày 23/11/2023, số 56/UBND ngày 27/02/2024, người bị kiện UBND xã B trình bày:**

Theo bản đồ Chỉ thị 299/TTg đo vẽ năm 1986, thuộc một phần diện tích thửa đất số 730, tờ bản đồ số 5, loại đất: Đất dùng cho cộng đồng (NĐ) do nhà nước quản lý.

Theo bản đồ đo vẽ năm 2003, thuộc thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 5.582m², tờ bản đồ số 18, loại đất: Đất Nghĩa địa (NĐ) do nhà nước quản lý. Diện tích đất bà Trần Thị C đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ở hướng Tây nhà ở hiện tại của bà Trần Thị C (thuộc thửa đất số 943, tờ bản đồ số 18). Diện tích đất này có các ngôi mộ chôn xen kẽ, bà Trần Thị C tận dụng các phần diện tích đất trống nằm xen kẽ với các ngôi mộ để trồng cây chuối và đến nay đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích bà Trần Thị C đang sử dụng trồng cây chuối từ trước đến nay, UBND xã chưa xử lý vi phạm hành chính.

Về hồ sơ địa chính, đến nay sau khi lập bản đồ đo vẽ năm 2003 phần diện tích bà Trần Thị C đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, loại đất: Đất nghĩa địa (NĐ) do nhà nước quản lý; theo hồ sơ quản lý qua các thời kỳ, bà Trần Thị C không đăng ký kê khai.

Đối với việc cân đối giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, hộ bà Trần Thị C được cân đối tại thửa 1448, diện tích 412m², tờ bản đồ số 18. Do đó, UBND xã B ban hành Công văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật; UBND xã B không thông nhất với nội dung khởi kiện của bà Trần Thị C.

*** Tại Văn bản số 4434/CNHBS ngày 25/10/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh huyện B trình bày:**

Ngày 03/01/2023, bà Trần Thị C nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m² tại thôn T, xã B. Theo đó, UBND xã B không thực hiện xác nhận hồ sơ, niêm yết công khai vì lý do: *“Qua kiểm tra đối chiếu với hồ sơ địa chính đang lưu trữ tại xã B thì nguồn gốc thửa đất do bà Trần Thị C kê khai có sự mâu thuẫn và không trùng khớp với thông tin hồ sơ địa chính qua các thời kỳ lưu trữ tại UBND xã B...”*

Theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Q thì vị trí thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², loại đất BHK thuộc quy hoạch một phần đất ở tại nông thôn và một phần đất giao thông (không phù hợp với quy hoạch).

Từ những nội dung nêu trên, UBND xã B chưa đủ cơ sở để thông báo niêm yết về trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², loại đất BHK cho bà Trần Thị C theo Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Nay UBND xã B trả lại toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Văn phòng ĐKĐĐ Chi nhánh huyện B để xem xét trả lại hồ sơ cho công dân theo quy định”.

Vì vậy, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện B không có cơ sở xử lý các bước tiếp theo của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², loại đất trồng cây hàng năm khác tại xã B của bà Trần Thị C.

Do đó ngày 20/02/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện B có Thông báo số 887/TB-CNHS về việc trả hồ sơ không giải quyết là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; người khởi kiện chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C. Về án phí tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q; người bị kiện UBND xã B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2.] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 30/3/2023 và ngày 17/7/2023, bà Trần Thị C nộp đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Công Văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 của UBND xã B về việc phúc đáp thực hiện niêm yết theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết đối với bà Trần Thị C tại Thông báo số 887/TB-CNBS ngày 20/02/2023 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận và thực hiện các thủ tục để giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Trần Thị C tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số: 18, xã B theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, quyết định hành chính, hành vi hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ đối với Công văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 của UBND xã B:

[2.1.1] Ngày 03/01/2023, bà Trần Thị C nộp đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 849, tờ bản đồ số 18, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên, bà Trần Thị C kê khai nguồn gốc thửa đất: *“Thửa đất này do tôi tạo lập từ năm 1986 để trồng cây, quản lý, sử dụng ổn định liên tục từ đó cho đến nay không ai tranh chấp”*. Ngày 09/01/2023, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện B chuyển hồ sơ đến UBND xã B để xác nhận theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện B chuyển đến; UBND xã B đã đối chiếu với hồ sơ địa chính của thửa đất 894, tờ bản đồ số 18, xã B. Về nguồn gốc đất: Thửa đất theo bản đồ 299/TTg lập

năm 1986 thuộc một phần thửa đất 730, tờ bản đồ số 5, loại đất N (đất Nghĩa địa) do U (bút lục 90); theo bản đồ 299/TTg chỉnh lý năm 2000 thuộc một phần thửa đất 730, tờ bản đồ số 5, loại đất N (đất Nghĩa địa) do U (bút lục 89); Sổ đã ngoại lập theo Chỉ thị 299/TTg thể hiện thửa đất 730, loại đất đăng ký N⁺, họ tên người sử dụng “SDCC” (bút lục 79); theo bản đồ địa chính năm 2003 thuộc một phần thửa đất 894, tờ bản đồ số 18, loại đất NĐ (đất Nghĩa địa) do U (bút lục 88); theo Sổ thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng lập năm 2003 thửa đất 894, tờ bản đồ số 18, xã B do UBND xã B đăng ký, loại đất NĐ (bút lục 80). Như vậy, đối chiếu với hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện thửa đất 894, tờ bản đồ số 18, xã B là đất Nghĩa địa do UBND xã quản lý. Việc bà Trần Thị C kê khai thửa đất này do bà tạo lập từ năm 1986 để trồng cây, quản lý, sử dụng ổn định liên tục không ai tranh chấp là không đúng với hồ sơ địa chính qua các thời kỳ do UBND xã B quản lý.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Trần Thị C, UBND xã B phải xác nhận vào mục II. “*Xác nhận của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn*” của đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nhưng UBND xã B lại ban hành Công văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 là chưa đúng về mặt hình thức. Tuy nhiên nội dung UBND xã B xác nhận tại Công văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Trần Thị C tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, xã B là phù hợp với hồ sơ địa chính do UBND xã quản lý qua các thời kỳ, đúng quy định của pháp luật.

[2.1.2.] Mặt khác, theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện B, vị trí của thửa đất 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², thuộc quy hoạch một phần đất ở tại nông thôn và một phần đất giao thông nên việc bà Trần Thị C đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 849, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², xã B loại đất BHK là không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện B đã được phê duyệt.

[2.1.3] Theo bà Trần Thị C trình bày, thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², loại đất BHK, xã B là do bà tạo lập từ năm 1986 để trồng cây ăn quả. Ngày 20/4/2023, Công ty Đ xây dựng công trình lưới điện trên thửa đất này đã xác nhận bà là người quản lý, sử dụng thửa đất nên đã hỗ trợ tiền hoa màu, cây cối cho bà nên việc UBND xã B ban hành Công văn số 37/UBND nêu trên là không đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà Trần Thị C xác định phần diện tích đất Công ty Đ xây dựng công trình lưới điện nằm ngoài diện tích 300m² bà đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà không có một trong các loại giấy tờ theo Điều 100 Luật Đất đai trong khi hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện thửa đất này do UBND xã

quản lý nên không có căn cứ để UBND xã B xác nhận đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà.

Do đó, việc bà Trần Thị C yêu cầu hủy Công văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 của UBND xã B là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét hành vi hành chính về việc trả hồ sơ cho bà Trần Thị C của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q tại Thông báo số 887/TB-CNHS ngày 20/02/2023:

Như đã nhận định tại mục [2.1.1], thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m² có nguồn gốc theo bản đồ 299/TTg chỉnh lý năm 2000, thuộc một phần thửa đất 730, tờ bản đồ số 5, loại đất N (đất Nghĩa địa) do U; theo bản đồ địa chính năm 2003 thuộc một phần thửa đất 894, tờ bản đồ số 18, loại đất NĐ (đất Nghĩa địa) do UBND xã quản lý, qua các thời kỳ, bà Trần Thị C không đăng ký kê khai đối với thửa đất này; đồng thời UBND xã B có Công văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 xác định chưa đủ cơ sở để thông báo niêm yết về trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, diện tích 300m², loại đất BHK cho bà Trần Thị C theo Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q trả hồ sơ không giải quyết theo Thông báo số 887/TB-CNHS ngày 20/02/2023 cho bà Trần Thị C là đúng quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Do đó, việc bà Trần Thị C yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết cho bà tại Thông báo số 887/TB-CNBS ngày 20/02/2023 là hành vi hành chính trái pháp luật, là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận và thực hiện các thủ tục để giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Trần Thị C tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, xã B theo quy định của pháp luật:

Do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q trả hồ sơ không giải quyết đối với bà Trần Thị C tại Thông báo số 887/TB-CNHS ngày 20/02/2023 là đúng pháp luật nên bà Trần Thị C yêu cầu Tòa án buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận và thực hiện các thủ tục để giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Trần Thị C tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, xã B là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 95, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 70 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công Văn số 37/UBND ngày 13/02/2023 của UBND xã B về việc phúc đáp thực hiện niêm yết theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết đối với bà Trần Thị C tại Thông báo số 887/TB-CNHBS ngày 20/02/2023 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận và thực hiện các thủ tục để giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Trần Thị C tại thửa đất số 894, tờ bản đồ số 18, xã B theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị C được miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn HC.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh